

Số: 65 /QĐ-UBND

Vũng Liêm, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch xây dựng mô hình ứng dụng
tiền bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quy định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 quy định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc bổ sung Quyết định 04/2021/QĐ-UBND quy định về mức kinh tế - kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được sửa đổi tại Quyết định 33/2022/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 6770/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Vũng Liêm về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 03/TTr-NNPTNT ngày 08/01/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa.

(Kèm theo Kế hoạch số 03/KH-NNPTNT ngày 08/01/2025 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Vũng Liêm về việc xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa).

Điều 2. Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng ban ngành huyện có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Dám

UBND HUYỆN VŨNG LIÊM
PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 03 /KH-NNPTNT

Vũng Liêm, ngày 08 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên kế hoạch: Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa.

2. Đơn vị chủ quản

- Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm.
- Địa chỉ: Thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: 02703.870.266

3. Đơn vị chủ đầu tư

- Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Vũng Liêm.
- Địa chỉ: xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: 02703.970609

4. Cơ quan phối hợp triển khai mô hình

- Các Ban ngành Đoàn thể huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã vùng triển khai mô hình;
- Trạm Khuyến nông; Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Vũng Liêm;
- Các Hợp tác xã nông nghiệp, Tổ hợp tác, nông dân đăng ký tham gia mô hình.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Công văn số 3671/UBND-TH, ngày 17/6/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc sử dụng kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa theo Nghị quyết số 111/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Công văn số 955/SNN&PTNT-KHTH, ngày 19/6/2024 của sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn người trồng lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND, ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Ban hành quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 quy định định mức kinh tế kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

- Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc bổ sung Quyết định 04/2021/QĐ-UBND quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật mô hình khuyến nông áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được sửa đổi tại Quyết định 33/2022/QĐ-UBND;

- Quyết định số 6770/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Vũng Liêm về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025.

III. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Nhằm triển khai thực hiện Nghị định số 112/NĐ-CP, ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và các chính sách hỗ trợ địa phương để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Định hướng và đề ra giải pháp thúc đẩy phát triển vùng sản xuất chuyên canh lúa chất lượng cao, tổ chức lại hệ thống sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng các quy trình canh tác bền vững nhằm gia tăng giá trị, tăng thu nhập và đời sống của người dân trồng lúa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

Xây dựng mô hình liên kết nhiều hộ nông dân trên cùng cánh đồng áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, sử dụng giống xác nhận... để giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng lúa, bảo vệ môi trường, tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích đất lúa, tăng thu nhập cho nông dân.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện Nghị định số 112/NĐ-CP, ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết đất trồng lúa và các chính sách hỗ trợ địa phương để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Tăng cường tập huấn, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất lúa, hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, áp dụng các quy trình canh tác bền vững nhằm gia tăng giá trị, góp phần phát triển bền vững ngành lúa gạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập người trồng lúa góp phần thực hiện đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn huyện Vũng Liêm.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ nông dân xây dựng mô hình trình diễn: Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm; 1 phải 6 giảm) trong sản xuất lúa chất lượng cao, diện tích: 1.500

ha, (hỗ trợ 50% giống, 50% phân bón) tổ chức tập huấn ở các xã Tân An Luông, Hiếu Phụng, Trung Hiếu, Trung An, Trung Hiệp.

- Hỗ trợ thực hiện mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây lúa: 4 mô hình (Hiếu Phụng, Trung Hiếu, Trung Hiệp, Tân An Luông).

V. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm; 1 phải 6 giảm, IPHM) trong sản xuất lúa chất lượng cao.

1.1. Tiêu chí chọn địa điểm thực hiện mô hình

- Địa bàn phải phù hợp với quy hoạch và định hướng sản xuất lúa hàng hóa của huyện và của xã.

- Cánh đồng lúa tập trung, bằng phẳng, chân đất ruộng tốt.

- Quy mô diện tích mô hình: Có tổng diện tích từ 50 ha/xã trở lên.

- Điều kiện tự nhiên (đất đai, thời tiết, khí tượng thủy văn...) thích hợp và vị trí địa lý thuận tiện cho việc tổ chức sản xuất, tham quan học tập;

- Vùng sản xuất phải có hệ thống đê bao, cống bọng hoàn chỉnh, an toàn, chủ động về thủy lợi bao gồm cả việc tưới và tiêu thoát nước.

- Địa phương có nhu cầu thực hiện mô hình, áp dụng kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm, kỹ thuật SRI.

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật nông nghiệp xã có trình độ, năng động, nhiệt tình hướng dẫn áp dụng tiến bộ kỹ thuật (TBKT) vào sản xuất lúa.

- Ưu tiên tại địa phương có hoạt động của Hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp

- Nông dân có kinh nghiệm, tập quán canh tác tương đối tốt và thống nhất cao các hoạt động đưa tiến bộ kỹ thuật (TBKT) vào sản xuất nông nghiệp của địa phương.

1.2. Tiêu chí khảo sát, thẩm định, lựa chọn hộ tham gia mô hình

- Có ruộng đất thực hiện phù hợp với nội dung, quy trình kỹ thuật giảm lượng hạt giống gieo sạ, kỹ thuật thâm canh đồng bộ 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm, kỹ thuật SRI...

- Tự nguyện đăng ký tham gia mô hình, nhiệt tình, có kinh nghiệm.

- Hộ có diện tích tham gia từ 0,1 ha trở lên.

- Cam kết đáp ứng đủ điều kiện về nguồn tài chính đối ứng, cơ sở vật chất, phương tiện thực hiện theo yêu cầu của mô hình;

- Tuân thủ đúng các qui định về tài chính và thực hiện đúng quy trình kỹ thuật;

- Có khả năng thực hiện tốt các nội dung hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật hướng dẫn mô hình;

- Các hộ sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, đồng thời tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, ghi hình..

1.3. Tiêu chí kỹ thuật của mô hình

- Giống lúa sử dụng: Giống cấp xác nhận và có trong danh mục giống được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam (OM 5451, OM 18, Đài thơm 8)

- Phân bón sử dụng: Có trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh ở Việt Nam; bón phân cân đối, tiết kiệm, sử dụng phân đạm hợp lý, hiệu quả;

- Kỹ thuật canh tác: Ứng dụng theo quy trình 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm, kỹ thuật canh tác lúa cải tiến SRI.

- Yêu cầu hiệu quả kinh tế: Các mô hình đảm bảo hiệu quả kinh tế, lợi nhuận trong mô hình cao hơn 5-10% trở lên so với ngoài mô hình.

1.4. Định mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% lúa giống cấp xác nhận với định mức là 80 kg/ha. Đơn giá lúa giống xác nhận hỗ trợ là 22.000 đ/kg;

- Hỗ trợ 50% vật tư thiết yếu (phân bón) định mức theo Quyết định số 04/QĐ-UBND, ngày 03/03/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể:

- Phân Urê: 75 kg/ha.
- Phân DAP 87 kg/ha.
- Phân Kali: 66,5 kg/ha.

Bảng 1. Giá trị hỗ trợ của nhà nước dự kiến (đối với 1 ha, hỗ trợ 50%)

TT	Nội dung hỗ trợ	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Lúa giống xác nhận (kg)	40	22.000	880.000
2	Vật tư nông nghiệp thiết yếu			
	- Phân Urê (kg)	75	15.000	1.125.000
	- Phân DAP (kg)	87	26.000	2.262.000
	- Phân Kali (kg)	66,5	18.000	1.197.000
Tổng cộng				5.464.000

Ghi chú: Giá giống và vật tư sẽ được điều chỉnh theo thực tế; nếu giá thực tế tại thời điểm đấu thầu cao hơn định mức hỗ trợ thì người dân sẽ đối ứng phần chênh lệch, nếu thấp hơn thì nhà nước hỗ trợ 50% đúng theo quy định.

1.5. Tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho nông dân

- Qui mô: 100 lớp (phụ lục đính kèm);
- Thời gian tập huấn: 1 ngày/lớp;
- Số người tham gia lớp tập huấn: 30 người/lớp x 100 lớp = 3.000 người;
- Đối tượng tham gia tập huấn: các hộ nông dân trong và ngoài mô hình.
- Nội dung tập huấn: dựa trên cơ sở nền tảng của quy trình kỹ thuật canh tác lúa theo gói kỹ thuật thâm canh đồng bộ 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm, tiến bộ kỹ thuật SRI. Một số nội dung về ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất lúa, kỹ thuật canh tác lúa chất lượng cao, phát thải thấp.

- Nội dung kỹ thuật và phương pháp chuyển tải sẽ được biên soạn lại với nội dung dễ hiểu theo phương pháp khuyến nông cho người lớn tuổi mà đối tượng trực tiếp là nông dân.

- Địa điểm tập huấn: Tại các xã xây dựng mô hình;

- Đơn vị tổ chức tập huấn: Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt và BVTV huyện, phối hợp với UBND xã có đầu tư mô hình.

- Phương pháp tập huấn: Sử dụng phương pháp lấy học viên làm trung tâm, học viên chủ động suy nghĩ, trao đổi trong môi trường mở, giảng viên chỉ là người hướng dẫn và giải đáp các thắc mắc.

1.6. Thông tin, tuyên truyền: Pano: để giới thiệu thông tin về nội dung mô hình, thời gian thực hiện, quy mô mô hình (diện tích, số hộ tham gia,...). Số lượng 26 pano (≤ 10 ha/bảng, 2 pano/xã x 13 xã).

1.7. Hội nghị tổng kết mô hình

- Qui mô: **02 cuộc** (phụ lục đính kèm)
- Số người tham dự hội nghị: 60 người/cuộc
- Thời gian hội nghị: 1 ngày/cuộc
- Nội dung hội nghị: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện, trao đổi rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện, đồng thời nhân rộng mô hình;
- Địa điểm hội nghị: tại huyện.
- Đơn vị tổ chức: Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

1.8. Hình thức đầu tư

Thực hiện theo phương thức xã hội hóa “Nhà nước và nhân dân cùng thực hiện”. Trong đó:

- * **Nhà nước đầu tư hỗ trợ theo chính sách đối với mô hình:**
 - 50% chi phí mua lúa giống cấp xác nhận theo định mức 80kg/ha,
 - 50% chi phí mua vật tư nông nghiệp thiết yếu (phân bón);
 - 100% chi phí tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân vùng dự án thực hiện các mô hình;
 - 100% chi phí tổ chức hội nghị tổng kết mô hình.

* **Hộ dân tham gia mô hình:** đối ứng 50% chi phí mua lúa giống cấp xác nhận, 50% chi phí mua vật tư nông nghiệp thiết yếu (phân bón), chi phí chăm sóc, quản lý, thu hoạch ruộng tham gia mô hình...

1.9. Địa điểm và diện tích đầu tư mô hình

TT	Địa điểm đầu tư	Diện tích (ha)			Ghi chú
		Hè thu	Thu đông	Tổng cộng	
1	Tân An Luông	200	250	450	
2	Hiếu Phụng	150	250	400	
3	Trung Hiếu	150	150	300	
4	Trung An	100	100	200	
5	Trung Hiệp	150	0	150	

TỔNG CỘNG	750	750	1.500	
------------------	------------	------------	--------------	--

- Mô hình được thực hiện tại các xã trong huyện; ưu tiên cho các xã có HTXNN, HTXDVNN và các tổ chức/cá nhân phù hợp đăng ký tham gia mô hình;

- Địa điểm đầu tư, nếu có thay đổi để đáp ứng yêu cầu sản xuất, tham mưu UBND huyện sẽ xem xét, quyết định cho sự thay đổi đó nhưng sẽ không làm thay đổi tổng quy mô đầu tư xây dựng ban đầu.

1.10. Thời gian thực hiện: Năm 2025 (Vụ hè thu và vụ thu đông năm 2025).

2. Xây dựng mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây lúa.

- **Thời gian thực hiện:** Năm 2025.

- **Số lượng mô hình:** 4 mô hình (vụ Hè thu 2 mô hình: xã Trung Hiệp, Trung Hiếu, vụ Thu đông 2 mô hình: xã Hiếu Phụng, Tân An Luông).

- **Địa điểm thực hiện:** Xã Hiếu Phụng, Trung Hiếu, Trung Hiệp, Tân An Luông.

- **Đối tượng tham gia:** Nông dân trồng lúa trong vùng thực hiện đề án “Phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- **Nội dung huấn luyện:** Thực hiện theo Quyết định 846/QĐ-BVTV-TV ngày 28/3/2023 của Cục Bảo vệ thực vật.

VI. KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Kinh phí: 9.426.002.000 đồng (Chín tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu không trăm lẻ hai ngàn đồng), chia ra:

1.1. Kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm; 1 phải 6 giảm) trong sản xuất lúa chất lượng cao: 9.171.398.000 đồng (chỉ tiết ở phụ lục 2, mục I).

1.2. Kinh phí thực hiện mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây lúa: 254.604.0000 đồng.

2. Nguồn kinh phí: Sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa năm 2025 được cấp theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024.

VII. HIỆU QUẢ DỰ KIẾN CỦA MÔ HÌNH

1. Hiệu quả về các chỉ tiêu kỹ thuật

- Giảm lượng giống gieo sạ, giảm 5-10% lượng phân bón hoá học, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật.

- Tăng năng suất lúa, hiệu quả sản xuất lúa.

2. Hiệu quả về kinh tế

Mô hình ước tính lợi nhuận cao hơn 5-10% so với đối chứng ngoài mô hình do giảm được chi phí và tăng năng suất lúa.

3. Hiệu quả đối với kinh tế - xã hội và môi trường

Mô hình giúp người nông dân ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa, nhằm điều chỉnh mật độ gieo trồng hợp lý, thay đổi tập quán sạ dày, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong canh tác lúa: 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm,

SRI; góp phần tăng năng suất, cung cấp cho thị trường một số lượng lớn lúa thương phẩm chất lượng cao.

Việc quản lý phân bón cân đối, hợp lý (không thừa đạm), quản lý dịch hại theo IPM, IPHM, quản lý nước tưới không những giúp cho cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt, còn góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT:

Sau khi kế hoạch được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia thực hiện các mục tiêu trong kế hoạch, xây dựng nội dung tổ chức triển khai mô hình, theo dõi quản lý quá trình hoạt động thực hiện nội dung kế hoạch. Cụ thể:

- Phối hợp và mời cán bộ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham gia tập huấn, đánh giá lớp học cuối khoá và cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành khoá huấn luyện nông dân về quản lý sức khoẻ cây trồng tổng hợp (FFS-IPHM)

- Phối hợp Trạm Trồng trọt và BVTV, Trạm Khuyến nông trong công tác khảo sát, thẩm định, chọn các điểm thực hiện mô hình; hỗ trợ tập huấn chuyên giao kỹ thuật, phối hợp thực hiện mô hình IPHM; Ngoài ra, Trạm trồng trọt và BVTV cử cán bộ quản lý mô hình các xã Tân An Luông, Trung Hiệp, Trung Hiếu, Trung An, Trạm khuyến nông cử cán bộ quản lý mô hình xã Hiếu Phụng.

- Phối hợp với các Ban ngành, Đoàn thể có liên quan (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,...) triển khai kế hoạch cho nội bộ và nhân dân quán triệt thực hiện, quản lý quá trình hoạt động của kế hoạch ở địa phương;

- Thành lập Ban quản lý, Tổ cán bộ kỹ thuật: cán bộ chỉ đạo mô hình và Cộng tác viên BVTV-khuyến nông trực tiếp tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch, chuyển giao tư vấn kỹ thuật và theo dõi thực hiện mô hình tại các địa bàn được phân công;

- Định kỳ hàng tháng có báo cáo tiến độ thực hiện về UBND huyện, báo cáo quyết toán và tổng kết thực hiện mô hình.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu bố trí kinh phí, hướng dẫn thanh quyết toán thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng:

Tăng cường xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Phối hợp hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất.

4. Phòng Tài nguyên – Môi trường:

Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT và UBND các xã thực hiện công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch sử dụng đất lúa trên địa bàn huyện.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, hội, đoàn thể cấp huyện:

Tăng cường vận động, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người dân tích cực tham gia và chủ động thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa và đầu tư duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi

trên đất trồng lúa theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP theo nội dung kế hoạch được phê duyệt.

6. Ủy ban nhân dân các xã thực hiện kế hoạch:

Phối hợp với ngành chuyên môn triển khai các nội dung kế hoạch tạo sự đồng thuận cho nông dân thực hiện kế hoạch. Lựa chọn, đề xuất, giới thiệu hộ nông dân có đủ điều kiện tham gia vào mô hình và hướng dẫn thực hiện kế hoạch theo đúng quy định. Cam kết đảm bảo các nội dung thực hiện sản xuất theo mô hình được ngành chuyên môn khuyến cáo.

Tăng cường triển khai tuyên truyền thực hiện kế hoạch và nhân rộng mô hình.

Vận động nông dân thực hiện triển khai đầu tư duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi trên đất trồng lúa trên địa bàn xã.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát trong suốt quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

Trên đây là kế hoạch “Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa” trên địa bàn huyện Vũng Liêm năm 2025 của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Vũng Liêm;
- UBNDTTQ huyện
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Phòng Kinh tế – Hạ tầng;
- Phòng Tài nguyên – Môi trường;
- Trạm trồng trọt và BVTV;
- Trạm Khuyến nông;
- UBND xã Tân An Luông, Hiếu Phụng, Trung Hiếu, Trung An, Trung Hiệp;
- Lưu.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Văn Thắm

PHỤ LỤC I: ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CHO MÔ HÌNH (tính trên 1ha)

Theo Quyết định 04/2021/QĐ-UBND ngày 03/3/2021 của UBND tỉnh				Quy đổi theo phân bón thương phẩm trên thị trường			
Số TT	Hạng mục	ĐVT	Yêu cầu mô hình	Số TT	Hạng mục	ĐVT	Yêu cầu mô hình
1	Giống	Kg	80	1	Giống	kg	80
2	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	100	2	Phân Urê (46%N)	kg	150
3	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	80	3	Phân DAP (18%N, 46%P ₂ O ₅)	kg	174
4	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	80	4	Phân Kali (60% K ₂ O)	kg	133

Lượng giống, phân bón (thương phẩm) xây dựng trong mô hình						
Số TT	Hạng mục	Yêu cầu mô hình (100%)			Nhà nước hỗ trợ 50%	
		Số lượng (kg)	Đơn giá (đ/kg)	Thành tiền (đồng)	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)
1	Giống	80	22.000	1.760.000	40	880.000
2	Phân Urê (46%N)	150	15.000	2.250.000	75	1.125.000
3	Phân DAP (18%N, 46%P ₂ O ₅)	174	26.000	4.524.000	87	2.262.000
4	Phân Kali (60% K ₂ O)	133	18.000	2.394.000	66,5	1.197.000
Tổng cộng				11.228.000		5.464.000

PHỤ LỤC II. DIỄN GIẢI KINH PHÍ NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT (3 GIẢM 3 TĂNG; 1 PHẢI 5 GIẢM; 1 PHẢI 6 GIẢM) TRONG SẢN XUẤT LÚA CHẤT LƯỢNG CAO

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
I	Tổng kinh phí				9.171.398.000	
1	Hỗ trợ giống, phân bón	ha	1.500		8.196.000.000	Quyết định 04/2021/QĐ-UBND, ngày 03/3/2021 (Phụ lục I- Mục 12)
1.1	Lúa giống (80kg/ha x 50% = 40 kg) x 1.500 ha	kg	60.000	22.000	1.320.000.000	
1.2	Hỗ trợ 50% phân bón				6.876.000.000	
-	Urê 46%N (150kg x 50% = 75kg/1ha) x 1.500 ha	kg	112.500	15.000	1.687.500.000	
-	DAP (174 kg x 50% = 87kg/ha) x 1.500 ha	kg	130.500	26.000	3.393.000.000	
-	Kali 60% K2O (133 kg x 50% = 66,5kg/ha) x 1.500 ha	kg	99.750	18.000	1.795.500.000	
2	Tập huấn kỹ thuật sản xuất lúa ứng dụng TBKHKT cho nông dân trong và ngoài mô hình (Theo Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020)	lớp	100	5.000.000	500.000.000	
	Diễn giải KP cho 1 lớp tập huấn (thời gian 1 ngày, số người 30, địa điểm tại xã)				5.000.000	
	* Chi hỗ trợ tiền ăn cho nông dân				3.000.000	
	Tiền ăn	người	30	100.000	3.000.000	Nghị quyết 89/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 (Điều 12, khoản 4, b)

	Chi cho giảng viên					800.000	Nghị quyết 15/2020/NQ-HĐND, ngày 11/12/2020 (Điều 4, khoản b); Nghị quyết 157/2018/NQ-HĐND, ngày 13/12/2018 (Điều 1, khoản 2, a)
	Thuê điểm tập huấn	Ngày	1	300.000		300.000	Nghị quyết 15/2020/NQ-HĐND, ngày 11/12/2020 (Điều 4, khoản c)
	Tài liệu tập huấn;	bộ	30	30.000		900.000	Nghị quyết 15/2020/NQ-HĐND, ngày 11/12/2020 (Điều 4, khoản c)
3	THUẾ KHOẢN CHUYÊN MÔN (02 người/xã/vụ (huyện 01 người, xã 01 người) x 2 vụ x 05 xã = 10 người thời gian thuê khoán 4 tháng/vụ, KP thuê khoán 1 người là 2.340.000 : 22 ngày = 106.364 đ/ngày x 8 ngày/tháng = 850.909 đ/tháng x 8 tháng = 6.807.272 đ làm tròn 6.807.000 đồng)	người	10	6.807.000		68.070.000	Quyết định 04/2021/QĐ-UBND, ngày 03/3/2021 (Phụ lục I- Mục 12)
4	THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN					91.000.000	
	Xây dựng bảng Pano mô hình (khung sắt hoặc nhôm, nền Pano bằng tole hoặc in Hiflex, kích thước 1,2 m x 0,8m), trụ (≤10 ha/bảng, 13 xã x 2 bảng/xã)	bảng	26	3.500.000		91.000.000	Quyết định 04/2021/QĐ-UBND, ngày 03/3/2021 (Phụ lục I- Mục 12)
6	SƠ, TỔNG KẾT MÔ HÌNH	cuộc	02	8.600.000		17.200.000	Quyết định 04/2021/QĐ-UBND, ngày 03/3/2021 (Phụ lục I- Mục 12); Nghị quyết 89/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017

	Diễn giải KP cho 1 cuộc tổng kết mô hình (thời gian 1 ngày, số người 60, địa điểm tại huyện)					8.600.000	
	* Chi hỗ trợ CTVKN-BVTV và nông dân					5.000.000	
	- Tiền ăn	người	50		100.000	5.000.000	
	* Thuế hội trường	lần	1		1.000.000	1.000.000	
	* Nước uống	người	60		20.000	1.200.000	
	* Tài liệu hội nghị tổng kết	bộ	60		15.000	900.000	
	* Backroud	ngày	1		500.000	500.000	
7	THUÊ TƯ VẤN					32.000.000	
	Thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, gói thầu mua lúa giống, vật tư					12.000.000	
	Thuê tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định và kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu mua lúa giống, vật tư					10.000.000	
	Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP					10.000.000	
8	KINH PHÍ QUẢN LÝ (3%)					268.928.000	Nghị quyết 15/2020/NQ-HĐND, ngày 11/12/2020 (Điều 9, khoản 4)

II. MÔ HÌNH QUẢN LÝ SỨC KHOẺ CÂY TRỒNG TỔNG HỢP (IPHM) TRÊN CÂY LÚA: 4 mô hình x 63.651.000 đồng/mô hình = 254.604.000 đồng, cụ thể:

1. Kinh phí thực hiện 01 mô hình:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tìm điểm thực hiện mô hình (Chi phí tìm điểm 1 MH) (2 người x 2 ngày/mô hình x 150.000 đồng/ngày)	Mô hình	01	600.000	600.000
2	Tập huấn các chuyên đề IPHM cho các hộ nông dân trong mô hình	Mô hình	1		52.801.000
2.1	Chi phí tập huấn cho 1 mô hình (7 ngày/mô hình)	Ngày	7	5.790.000	40.530.000
2.1.1	Tiền ăn nông dân	Người	30	100.000	3.000.000
2.1.2	Tài liệu	Bộ	30	23.000	690.000
2.1.3	Thuê điểm	Lần	1	300.000	300.000
2.1.4	Giảng viên (02 buổi/ngày/người)	Buổi	2	400.000	800.000
2.1.5	Chi hoạt động quản lý lớp (gồm công tác trợ giảng...)	Buổi	2	300.000	600.000
2.1.6	CTP, lưu trú giảng viên	Người	1	200.000	200.000
2.1.7	CTP, lưu trú hoạt động quản lý lớp	Người	1	200.000	200.000
2.2	Vật liệu, trang thiết bị, VPP thực hành lớp FFS-IPHM (Chi tiết kèm theo phụ lục 2)	Mô hình	1	12.271.000	12.271.000
3	Bảng hiệu đặt tại mô hình	Mô hình	1	600.000	600.000
4	Hội nghị tổng kết và nhân rộng mô hình (Chi phí cho 1 mô hình)	Mô hình	1		9.650.000
4.1	Tiền ăn nông dân	Người	50	100.000	5.000.000
4.2	Giải khát giữa giờ	Người	60	40.000	2.400.000
4.3	Tài liệu	Bộ	60	15.000	900.000
4.4	Thuê điểm	Lần	1	300.000	300.000
4.5	Bangrol	Cái	1	300.000	300.000
4.6	Công tác phí ngành huyện (Phòng NN&PTNT, Trạm TT&BVTV) tham dự hội nghị	Người	5	150.000	750.000
Tổng cộng (1+2+3+4)					63.651.000

2. Chi tiết vật liệu, trang thiết bị, văn phòng phẩm thực hành lớp FFS-IPHM:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Văn phòng phẩm (Giấy Ao, A4, sổ ghi chép, sổ nhật ký, bút chì, bút bi, bút dạ đầu, bút dạ bảng, bút màu vẽ, thước kẻ, kẹp bướm, kéo,...)	Bộ	1	2.400.000	2.400.000
2	Vải màn/lưới mắt dày	m	10	30.000	300.000
3	Túi nilon thu mẫu	Kg	1	58.000	58.000
4	Kính lúp cầm tay	Cái	5	60.000	300.000
5	Găng tay cao su	Hộp	1	80.000	80.000
6	Khẩu trang	Hộp	2	50.000	100.000
7	Dây nilon (dây buộc)	Cuộn	2	27.000	54.000
8	Lọ nhựa to nuôi côn trùng	Lọ	10	25.000	300.000
9	Chậu lúa	Cái	5	20.000	125.000
10	Thùng xốp	Cái	5	40.000	250.000
11	Vật liệu thực hành ủ phân chuồng (bã xác thực vật, chế phẩm vi sinh, bột ủ, cỏ, xéng, ...)	Mô hình	1	2.500.000	2.500.000
12	Vật liệu, dụng cụ xây dựng mô hình chống chuột cộng đồng (màn phủ nông nghiệp, tre làm cọc,...)	Mô hình	1	1.900.000	1.900.000
13	Thuê ruộng làm thí nghiệm 0,1 ha lúa (tính theo % năng suất trung bình và giá lúa)	%	10	5.040.000	504.000
14	Công lao động phổ thông (cấy, làm cỏ, gặt,...)	Công	10	250.000	2.500.000
15	Giấy chứng nhận	Bản	30	30.000	900.000
Tổng cộng					12.271.000